TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 111/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-8-2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Viển.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Dung.

2. Ông Phạm Văn Sơn.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ*** *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Hữu Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2023/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị M1, sinh năm1976.

Địa chỉ: Tổ 5, ấp 3, xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc M2, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Tổ 5, ấp 3, xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/4/2023; bản tự khai ngày 18/4/2023 nguyên đơn là bà Trần Thị M1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Ngọc M2 tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 09/01/2009. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông M2 và bà bất đồng với nhau về quan điểm

sống, bản thân ông M2 không có trách nhiệm với gia đình thường xuyên uống rượu chửi bới và xúc phạm bà. Bà đã vì tình cảm vợ chồng và chị các con nên đã cố gắng chịu đựng để duy trì cuộc sống hôn nhân với ông M2 cho đến ngày nay nhưng ông M2 vẫn không thay đổi bản thân. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với ông M2 nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc M2.

- Về con chung: Bà và ông Nguyễn Ngọc M2 có 01 con chung tên là Nguyễn Khánh P, sinh ngày 30/4/2010. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông M2 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà khai bà và ông Nguyễn Ngọc M2 không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc M2: Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án số 115/TB-TLVA ngày 06 tháng 4 năm 2023 cho ông M2 nhưng không tống đạt trực tiếp được nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai Thông báo về việc thụ lý vụ án theo quy định. Ông Nguyễn Ngọc M2 không có ý kiến trả lời theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành niêm yết giấy triệu tập làm việc, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông M2 không đến Tòa án làm việc, hòa giải do đó ông M2 không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tống đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Tình trạng hôn nhân giữa bà M1 và ông M2 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà M1 là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M1.

Về con chung: Bà M1 và ông M2 có 01 con chung tên là Nguyễn Khánh P, sinh ngày 30/4/2010. Bà M1 cũng đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, cháu P là con gái và cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với bà M1. Vì vậy, để tránh xáo trộn về tinh thần cũng như sự phát triển về thể chất, tâm sinh lý của cháu P cần giao con chung là cháu P cho bà M1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời ông M2 không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị M1 không có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị M1 chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Nguyễn Ngọc M2 hiện cư trú tại xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Bà Trần Thị M1 yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông Nguyễn Ngọc M2, yêu cầu giải quyết về con chung nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Bà Trần Thị M1 là nguyên đơn; ông Nguyễn Ngọc M2 là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Trần Thị M1 có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Ngọc M2 đã được triệu tập hợp lệ hai lần mà vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[5] Về Luật áp dụng: Bà Trần Thị M1 và ông Nguyễn Ngọc M2 đăng ký kết hôn năm 2009 nên áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án.

[6] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà M1 và ông M2 tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 09/01/2009 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà M1: Bà M1 xin ly hôn với lý ông M2 không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên chửi bới và xúc phạm chị và bà M1 cũng không còn tình cảm với ông M2. Qua thu thập chứng cứ thể hiện: Vợ chồng bà M1 và ông M2 thật sự có mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn chăm lo cho nhau.

Qua xem xét lời trình bày của bà M1, chứng cứ Tòa án thu thập được có đủ căn cứ xác định vợ chồng bà M1 và ông M2 thật sự đã có mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn quan tâm chăm sóc nhau, vi phạm quy định tại Điều 18 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không

đạt được. Mặt khác, ông M2 không tham gia hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, điều này thể hiện ông M2 không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng giữa bà M1 và ông M2 đã có mâu thuẫn, khả năng đoàn tụ không có nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M1, giải quyết cho bà M1 được ly hôn với ông M2.

[7] Về con chung: Bà M1 và ông M2 có 01 con chung tên là Nguyễn Khánh P, sinh ngày 30/4/2010. Qua thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương thể hiện cháu P đang do bà M1 nuôi dưỡng, cháu P phát triển bình thường, khỏe mạnh và hiện đang được bà M1 chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt. Mặc khác, cháu P là con gái và cháu P cũng có nguyện vọng được ở cùng với bà M1. Vì vậy, để tránh xáo trộn về tinh thần cũng như sự phát triển về thể chất, tâm sinh lý của cháu P nên giao con chung chưa thành niên Nguyễn Khánh P, sinh ngày 30/4/2010 cho bà M1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời ông M2 không phải cấp dưỡng nuôi con do bà M1 không có yêu cầu.

Ông M2 có quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: Bà M1 chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 68, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 18, 85, 89, 91, 92, 93, 94 của Luật hôn nhân gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1) Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị M1. Bà Trần Thị M1 được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc M2.

2) Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh P, sinh ngày 30/4/2010 cho bà M1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời ông M2 không phải cấp dưỡng nuôi con do bà M1 không có yêu cầu.

Bà M1 có quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3) Về tài sản chung và nợ chung*:* Tòa án không xem xét, giải quyết.

4) Về án phí: Bà Trần Thị M1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà M1 đã nộp theo biên lai số 0004227 ngày 06/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Bà M1 đã nộp đủ án phí.

5) Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị M1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận*:*
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã La Ngà
(GCNKH số 29, ngày 09/01/2009);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Viển